TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 30

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 42,83 …… 42,82

A. > **B.** < **C.** =

Câu 2. Trong số thập phân 952,641, chữ số 1 thuộc hàng nào?

A. hàng phần trăm **B.** hàng phần nghìn

C. hàng phần mười **D.** hàng chục

Câu 3. Kết quả của phép tính 2/3 + 1/4 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 3/7 **B.** 11/12 **C.** 1 **D.** 1/6

Câu 4. 75,2 : 10 = ……

A. 7,52 **B.** 0,752 **C.** 7520 **D.** 752

Câu 5. 8 km² = …… ha

A. 8000 **B.** 80 000 **C.** 80 **D.** 800

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy 20 cm, chiều cao 16 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 36 cm² **B.** 72 cm² **C.** 160 cm² **D.** 320 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 57 đơn vị, 6 phần mười, 0 phần trăm, 2 phần nghìn viết là: ……

b) Phân số 3/4 viết dưới dạng số thập phân: ……

c) Hỗn số 1 96/100 viết dưới dạng số thập phân: ……

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 15,28 × 4 = ……

b) 11,13 × 2,1 + 11,13 × 7,9 = ……

c) 20,6 + 36,7 + 0,4 + 1,3 = ……

Bài 3. Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) 1/2 + 2/5 = ……

b) 7/5 − 1/3 = ……

c) 1/5 : 1/6 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

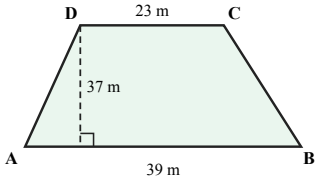
a) 4 m 2 cm = …… m

b) 9 kg 94 g = …… kg

c) 6 ha = …… m^2

d) 4600 m^2 = …… ha

Bài 5. Một thửa ruộng hình thang ABCD có đáy lớn AB = 39 m, đáy bé DC = 23 m, chiều cao 37 m (như hình). Trung bình cứ 1 m^2 thu hoạch được 0,5 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?



a) Diện tích thửa ruộng: …… m^2

b) Số thóc thu hoạch được: …… kg

Bài 6. Một tổ may cắt 3 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 4,9 m vải. Giá mỗi mét vải là 65 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 30

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	B	A	D	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 57,602

b) 3/4 = 75/100 = 0,75

c) 1,96

Bài 2.

a) (2,5 × 4) × 15,28 = 10 × 15,28 = 152,8

b) 11,13 × (2,1 + 7,9) = 11,13 × 10 = 111,3

c) (20,6 + 0,4) + (36,7 + 1,3) = 21 + 38 = 59

Bài 3.

a) 1/2 + 2/5 = 9/10

b) 7/5 − 1/3 = 16/15

c) 1/5 : 1/6 = 6/5

Bài 4.

a) 4,02

b) 9,094

c) 60 000

d) 0,46

Bài 5.

Diện tích: (39 + 23) × 37 : 2 = 1147 (m²)

Số thóc: 1147 × 0,5 = 573,5 (kg)

Bài 6.

Số vải: 4,9 × 3 = 14,7 (m)

Số tiền: 65 000 × 14,7 = 955 500 (đồng)